

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 6 - 2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoài Khanh

2. Bà Trần Thị Lệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025**, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Ngô Thị Kim Y**, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Số 720 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Ông **Phạm Văn L**, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 251 đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguY đơn là bà Ngô Thị Kim Y trình bày:

Bà và ông Phạm Văn L tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Rạch Giá (nay là thành phố R), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/1987. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm; nguY nhân chủ yếu là do ông L muốn có con trai nhưng lại không đạt được mong muốn. Từ khoảng tháng 12/2004 sau khi bà sanh đứa con thứ ba thì bà và ông L sống ly thân cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn L.

Về con chung: Bà Y xác định ông bà có 03 người con chung là Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1988; Phạm Thị Mỹ H1, sinh năm 1991 và Phạm Thị Huyền T, sinh năm 2004. Do 03 con chung đều đã thành niên và có khả năng tự lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/5/2025 bị đơn là ông Phạm Văn L trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Y; ông bà chung sống có 03 người con chung là Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1988; Phạm Thị Mỹ H1, sinh năm 1991; Phạm Thị Huyền T, sinh năm 2004. Do 03 con chung đều đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông và bà Y không có tài sản chung, không có nợ chung. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Ngô Thị Kim Y yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn với ông Phạm Văn L, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn L là bị đơn có nơi sinh sống tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ông Phạm Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ **khoản 1 Điều 238** Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn L.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim Y và ông Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Rạch Giá (nay là thành phố R) tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/1987; nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Tại phiên toà, bà Y xác định nguY nhân yêu cầu ly hôn là vì giữa bà và ông L không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 12/2004 và không thể hàn gắn được tình cảm. Về phía ông L cũng đã có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn với bà Y.

Xét thấy, thời gian vợ chồng sống ly thân đã quá lâu, vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, hôn nhân giữa bà Y và ông L

không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử dựa trên nguY tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Y được ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Y và ông L có 03 người con chung là Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1988; Phạm Thị Mỹ H1, sinh năm 1991 và Phạm Thị Huyền T, sinh năm 2004. Do 03 con chung đều đã thành niên và có khả năng tự lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các lời khai của bà Y và ông L đều thống nhất xác định ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Y phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007948 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá; bà Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **khoản 1 Điều 227**, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TuY xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim Y đối với bị đơn ông Phạm Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Ngô Thị Kim Y được ly hôn với ông Phạm Văn L.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Y phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007948 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá; bà Y đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuY án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- THADS Tp. Rạch Giá;
- **UBND phường A;**
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm